

DANH SÁCH HỘ NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Thanh Thịnh)

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1. Nam, 2. Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số khẩu	Địa chỉ (Thôn)	Phân loại hộ nghèo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đoàn Thị Cảnh	2	1/4/1946	Kinh	2	Thôn Bản Còn	Hộ nghèo
2	Đặng Tiến Cương	1	6/6/1966	Kinh	1	Thôn Bản Tết	Hộ nghèo
3	La Văn Sáng	1	4/7/1979	Tày	5	Thôn Bản Tết	Hộ nghèo
4	Vũ Thị Na	2	7/12/1953	Kinh	1	Thôn Bản Tết	Hộ nghèo
5	Hoàng Thị Định	2	10/11/1973	Tày	4	Thôn Bản Tết	Hộ nghèo
6	Hà Thế Báu	1	10/12/1952	Tày	2	Thôn Cạm Lặng	Hộ nghèo
7	Hà Thị Nhiêu	2	06/7/1967	Tày	2	Thôn Đoàn Kết	Hộ nghèo
8	Trần Văn Vinh	1	01/8/1948	Kinh	2	Thôn Đoàn Kết	Hộ nghèo
9	Hoàng Văn Tiếp	1	24/4/1977	Kinh	1	Thôn Đoàn Kết	Hộ nghèo
10	Đặng Thị Mạnh	2	8/18/1952	Dao	1	Thôn Khe Lắc	Hộ nghèo
11	Ngô Thị Hồng	2	12/12/1972	Dao	2	Thôn Khe Thi 1	Hộ nghèo
12	Ngô Văn Xiên	1	10/4/1968	Dao	2	Thôn Khe Thi 1	Hộ nghèo
13	Ngô Thị Xuân	2	01/01/1955	Dao	1	Thôn Khe Thi 1	Hộ nghèo
14	Ngô Đức Kim	1	03/3/1985	Dao	5	Thôn Khe Thi 1	Hộ nghèo
15	Ngô Văn Trắng	1	14/9/1963	Dao	3	Thôn Khe Thi 1	Hộ nghèo
16	Trần Văn Linh	1	28/6/1987	Sán Chí	3	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
17	Trần Văn Bình (Thảo)	1	02/9/1999	Sán Chí	4	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
18	Trần Văn Tý	1	19/9/1986	Sán Chí	2	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
19	Trần Văn Sáng	1	02/9/1986	Sán Chí	4	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
20	Trần Văn Thành	1	19/8/1991	Sán Chí	4	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
21	Trần Văn Sự	1	20/10/1981	Sán Chí	3	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
22	Trần Văn Trường	1	10/11/1979	Khe Thi 2	4	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
23	Trần Văn Trọng	1	13/7/1976	Sán Chí	3	Thôn Khe thi 2	Hộ nghèo
24	Hà Văn Quang	2	4/25/1985	Tày	4	Thôn Khe Thuồng	Hộ nghèo
25	Hà Thị Bật	2	1/2/1944	Tày	1	Thôn Khe Thuồng	Hộ nghèo
26	Lục Thị Nhẹ	2	7/5/1947	Tày	1	Thôn Khe Thuồng	Hộ nghèo
27	Đàm Thị Hồng	2	1/2/1946	Tày	1	Thôn Khe Thuồng	Hộ nghèo
28	Hà Văn Dũng	1	10/30/1961	tày	3	Thôn Khuổi Nhâu	Hộ nghèo
29	Hà Văn Tiếp	1	05/10/1980	Tày	3	Thôn Khuổi Tai	Hộ nghèo
30	Bàn Tiến Kinh	1	3/5/1997	Dao	3	Thôn Nà Chiêm	Hộ nghèo
31	Hoàng Thị Hương	2	12/2/1982	Nùng	3	Thôn Nà Chiêm	Hộ nghèo

32	Triệu Sinh Đường	1	8/14/1973	Dao	3	Thôn Nà Chiêm	Hộ nghèo
33	Hà Văn Hành	1	27/3/1955	Tày	3	Thôn Nà Đeo	Hộ nghèo
34	Hoàng Thị Chu	2	6/13/1940	Tày	1	Thôn Nà Đeo	Hộ nghèo
35	Đình Mạnh Hùng	2	10/10/1960	Kinh	3	Thôn Nà Đeo	Hộ nghèo
36	Hoàng Văn Ngân	1	8/2/1962	Tày	2	Thôn Nà Đeo	Hộ nghèo
37	Đình Văn Hoá	1	10/2/1983	Tày	6	Thôn Nà Đeo	Hộ nghèo
38	Triệu Văn Vàng	1	06/12/1981	tày	5	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
39	Triệu Văn Lý	1	18/12/1983	tày	6	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
40	Hoàng Văn Tiến	1	5/7/1963	tày	2	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
41	Mã Văn Bôn	1	17/10/1989	tày	7	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
42	Hà Văn Tiệu	1	01/4/1984	tày	5	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
43	Mã Thị Niệm	1	27/7/1976	tày	3	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
44	Chu Thị Ánh	2	5/9/1959	tày	1	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
45	Hoàng Thị Hồng	2	12/8/1960	tày	3	Thôn Nà Giáo	Hộ nghèo
46	Hoàng Doãn Ngoạt	1	2/22/1958	Tày	2	Thôn Nà Năm	Hộ nghèo
47	Hà Thị Thảo	2	3/3/1947	Tày	1	Thôn Nà Năm	Hộ nghèo
48	Hoàng Thị Hiền	2	11/15/1959	Tày	2	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
49	Hà Tiến Vàng	1	1/1/1955	Tày	5	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
50	Sầm Thị Giao	2	6/22/1961	Tày	3	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
51	Hà Văn Túy	1	3/13/1955	Tày	7	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
52	Hà Tiến Cương	1	10/20/1951	Tày	7	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
53	Ma Văn Phúc	1	12/19/1966	Tày	4	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
54	Trần Thị Hiền	2	1/24/1987	kinh	3	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
55	Nguyễn Văn Bắc	1	1/4/1962	kinh	4	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
56	Hà Tiến Giáp	1	18/10/1977	Tày	4	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
57	Hà Tiến Bình	1	28/11/1961	Tày	6	Thôn Nà Ngài	Hộ nghèo
58	Phạm Thị Tuất	2	11/6/1947	Kinh	7	Thôn Nà Ó	Hộ nghèo
59	Hà Văn Lực	1	10/12/1953	Tày	3	Thôn Nà Ó	Hộ nghèo
60	Đặng Ý Lưu	1	07/3/1981	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
61	Đặng Nguyên Nhất	1	3/9/1955	Dao	2	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
62	Triệu Hữu Liễu	1	29/02/1984	Dao	2	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
63	Ngụy Thị Hoa	1	26/6/1963	Kinh	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
64	Đặng Thị Thu	2	3/8/1987	Dao	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
65	Sào Mùi Trẻ	2	18/9/1984	Dao	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
66	Triệu Thị Bình	2	6/6//1970	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
67	Triệu Tiến Hồng	1	6/3/1989	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
68	Bàn Kim Chìu	1	5/4/1972	Dao	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
69	Bàn Thị Chiêu	2	20/2/1981	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
70	Triệu Nguyên Đường	1	18/9/1993	Dao	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
71	Triệu Thị Sáo	2	27/9/1985	Dao	5	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
72	Bàn Kim Tinh	1	15/6/1965	Dao	2	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo

73	Triệu Văn Phú	1	6/11/1993	Dao	5	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
74	Hoàng Xuân Quý	1	29/6/1993	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
75	Hoàng Thị Nhất	2	24/9/1984	Dao	7	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
76	Triệu Phúc Bốn	1	11/9/1989	Dao	6	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
77	Triệu Thị Chày	2	28/01/1951	Dao	1	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
78	Hoàng Thông Tiến	1	1/9/1978	Dao	6	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
79	Hoàng Thông Phúc	1	18/8/1980	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
80	Triệu Nguyên Lâm	1	12/12/1987	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
81	Bế Hoàng Thiên	1	3/1/1976	Tày	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
82	Triệu Văn Nhân	1	17/01/1989	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
83	Lộc Văn Ninh	1	20/12/1962	Hoa	6	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
84	Chu Quang Thu	1	20/8/1954	Tày	2	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
85	Hoàng Thông Vượng	1	25/2/1980	Dao	9	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
86	Đặng Văn Phúc	4	27/8/1982	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
87	Lý Văn Đường	4	30/7/1989	Dao	4	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
88	Phùng Thông An	1	18/3/1965	Dao	3	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
89	Triệu Kim Sinh	1	3/27/1962	Dao	1	Thôn Nà Quang	Hộ nghèo
90	Đình Khắc Tuấn	1	12/9/1969	Tày	1	Thôn Reo Dài	Hộ nghèo
91	Đình Văn Dũng	1	6/20/1990	Kinh	4	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
92	Nguyễn Thị An	2	2/14/1956	Kinh	1	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
93	Hà Thị Thùy Dương	2	12/1/2002	Tày	3	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
94	Bùi Thị Xuân	2	3/8/1953	Kinh	1	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
95	Bùi Thị Thoa	2	3/8/1953	Kinh	1	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
96	Vũ Thị Quý	2	7/16/1953	Kinh	1	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
97	Hà Thị Sơn	2	10/20/1950	Tày	1	Thôn Sáu Hai	Hộ nghèo
98	Đình Lâm Hồng	1	2/10/1970	Tày	1	Thôn Tân Phong	Hộ nghèo
99	Đình Lâm Hàn	1	20/2/1937	Tày	1	Thôn Tân Phong	Hộ nghèo
100	Đình Lâm Trường	1	4/4/1994	Tày	3	Thôn Tân Phong	Hộ nghèo
101	Lưu Thị Phụng	2	21/12/1942	Tày	4	Thôn Tân Phong	Hộ nghèo
102	Lý Đình Chuyển	1	05/5/1959	Tày	3	Thôn Tân Phong	Hộ nghèo
103	Đình Khắc Lại	1	01/6/1976	Tày	1	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
104	Đình Thị Ván	2	07/7/1963	Tày	7	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
105	Trần Thị Mão	2	12/7/1952	Tày	1	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
106	Hà Văn Hưng	1	17/7/1991	Tày	4	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
107	Ngô Văn Kỳ	1	01/5/1956	Kinh	2	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
108	Nguyễn Thị Bền	2	21/4/1953	Tày	2	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
109	Nguyễn Văn Tước	1	09/5/1965	Tày	5	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
110	Lộc Văn Thành	1	12/3/1987	Tày	3	Thôn Đồng Tiến	Hộ nghèo
	Tổng: 110 hộ nghèo				354		

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Thanh Thịnh)

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1. Nam, 2. Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số khẩu	Địa chỉ (Thôn)
	114			82	450	
1	Hoàng Thị Sao	2	12/20/1969	Tày	3	Thôn Bản chàng
2	Hoàng Thị My	2	5/30/1957	Tày	4	Thôn Bản chàng
3	Nông Văn Dương	1	26/9/1982	Tày	5	Thôn Bản Còn
4	Hà Tiến Biểu	1	12/25/1957	Tày	2	Thôn Bản Tét
5	Bé Thị Siu	2	9/9/1943	Tày	4	Thôn Bản Tét
6	Ma Đức Thuận	1	1/7/1980	Tày	2	Thôn Bản Tét
7	Đặng Chí Lành	1	13/10/1957	Tày	3	Thôn Bản Tét
8	Triệu Văn Quang	1	02/9/1979	Tày	3	Thôn Bản Tét
9	Ngụy Hữu Chiến	1	12/11/1953	Kinh	2	Thôn Bản Tét
10	Hà Thị Nguyệt	2	28/9/1962	Tày	1	Thôn Cao Thanh
11	Ma Thị Lá	2	10/10/1967	Tày	1	Thôn Cao Thanh
12	Hà Thị Lân	2	17/2/1948	Tày	1	Thôn Cốc Po
13	Đàm Văn Tuệ	1	04/01/1964	Kinh	1	Thôn Đoàn Kết
14	Hà Văn Minh	1	12/7/1959	Tày	4	Thôn Đoàn Kết
15	Hà Tiến Luy	1	10/10/1980	Tày	4	Thôn Đoàn Kết
16	Trần Thị Hảo	2	10/10/1983	Tày	5	Thôn Đồng tiến
17	Hà Văn Phân	1	01/5/1965	Tày	6	Thôn Đồng tiến
18	Đinh Khắc Hiệu	1	13/4/1982	Tày	3	Thôn Đồng tiến
19	Trần Văn Biên	1	22/2/1988	Kinh	4	Thôn Khe Lắc
20	Triệu Kim Vinh	1	19/5/1984	Dao	7	Thôn Khe Thi 1
21	Tải Thị Ninh	2	09/9/1968	Dao	3	Thôn Khe Thi 1
22	Triệu Minh Tình	1	09/9/1979	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
23	Lý Hữu Quý	1	13/6/1982	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
24	Ngô Đức Phúc	1	11/11/1987	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
25	Đặng Thị Mùi	2	08/11/1965	Dao	4	Thôn Khe Thi 1

26	Trúc Minh Phương	1	02/6/1987	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
27	Triệu Minh Báo	1	26/7/1982	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
28	Ngô Văn Tiệu	1	01/12/1979	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
29	Trúc Thông Báo	1	30/8/1962	Dao	7	Thôn Khe Thi 1
30	Ngô Phúc Lý	1	01/01/1975	Dao	3	Thôn Khe Thi 1
31	Ngô Phúc Tình	1	23/4/1980	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
32	Đặng Quý An	1	04/02/1968	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
33	Ngô Đức Toàn	1	2/7/1987	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
34	Trần Văn Nam	1	26/9/1973	Sán chí	7	Thôn Khe Thi 2
35	Trần Văn Quý	1	07/9/1959	Sán chí	2	Thôn Khe Thi 2
36	Trần Văn Toàn	1	28/12/1993	Sán chí	3	Thôn Khe Thi 2
37	Trần Văn Thượng	1	21221	Sán chí	4	Thôn Khe Thi 2
38	Hoàng Thị Thông	2	21/12/1968	Sán chí	5	Thôn Khe Thi 2
39	Trần Văn Nhân	1	16/6/1961	Sán chí	2	Thôn Khe Thi 2
40	Trần Văn Đệ	1	11/3/1983	Sán chí	4	Thôn Khe Thi 2
41	Trần Văn Cường	1	27/11/1977	Sán chí	5	Thôn Khe Thi 2
42	Hà Văn Bình	1	8/11/1986	Tày	3	Thôn Khe Thuổng
43	Phạm Văn Thực	1	4/15/1956	Tày	6	Thôn Khe Thuổng
44	Nguyễn Văn Hoàng	1	6/23/1958	Tày	2	Thôn Khe Thuổng
45	Nguyễn Văn Hưng	1	10/4/1990	Kinh	1	Thôn Khuổi Nhàu
46	Hà Quảng Hậu	1	1/1/1968	Tày	2	Thôn Khuổi tai
47	Triệu Sinh Phúc	1	3/12/1976	Dao	6	Thôn Nà Chiêm
48	Hoàng Thị Hoa	2	12/15/1973	Dao	1	Thôn Nà Chiêm
49	Nguyễn Văn Đường	1	3/20/1969	Kinh	3	Thôn Nà Chiêm
50	Triệu Sinh Hương	1	3/9/1965	Dao	6	Thôn Nà Chiêm
51	Bàn Tiến Minh	1	10/10/1984	Dao	2	Thôn Nà Chiêm
52	Bàn Sinh Lâm	1	9/10/1969	Dao	5	Thôn Nà Chiêm
53	Giang Bá Thịnh	1	5/17/1987	Kinh	5	Thôn Nà Chiêm
54	Triệu Xuân Sơn	1	9/3/1991	Dao	5	Thôn Nà Chiêm
55	Phạm Thị Huê	2	09/1/1968	Kinh	1	Thôn Nà Đeo
56	La Thị Chính	2	24/7/1969	Tày	3	Thôn Nà Đeo
57	Hà Thị Đuống	2	12/12/1959	Tày	2	Thôn Nà Đeo
58	Hà Thị Huệ	2	09/11/1990	Tày	3	Thôn Nà Đeo

59	Hoàng Văn Vỹ	1	28/9/1966	Tày	4	Thôn Nà Đeo
60	Hà Đức Nghiêm	1	9/6/1984	Tày	4	Thôn Nà Đeo
61	Chu Quang Viêt	1	11/27/1967	Tày	6	Thôn Nà Giáo
62	Hoàng Thị Chinh	2	15/9/1956	Tày	4	Thôn Nà Giáo
63	Triệu Văn Thuy	1	08/1/1970	Tày	6	Thôn Nà Giáo
64	Hoàng Thị Liên	2	01/10/1961	Tày	6	Thôn Nà Giáo
65	Bé Lãng Giáp	1	26/10/1960	Tày	3	Thôn Nà Giáo
66	Bé Lãng Hà	1	7/4/1973	Tày	4	Thôn Nà Giáo
67	Chu Quang Cử	1	18/10/1981	Tày	6	Thôn Nà Giáo
68	Nguyễn Văn Lợi	1	5/3/1959	Kinh	6	Thôn Nà Giáo
69	Hoàng Văn Tiệp	1	18/1/1966	Tày	1	Thôn Nà Giáo
70	Hà Thị Nga	2	19/10/1952	Tày	5	Thôn Nà Giáo
71	Hoàng Doãn Dương	1	3/23/1962	Tày	4	Thôn Nà Nâm
72	Hà Văn Đín	1	8/26/1958	Tày	3	Thôn Nà Ngài
73	Hà Thế Hùng	1	6/6/1990	Tày	4	Thôn Nà Ngài
74	Hà Tiến Dương	1	21/10/1980	Tày	5	Thôn Nà Ngài
75	Hà Văn Tùng	1	28/8/1983	Tày	4	Thôn Nà Ngài
76	Lường Thị Ngu	1	6/7/1965	Tày	7	Thôn Nà Ngài
77	Nguyễn Văn Nam	1	2/3/1985	kinh	4	Thôn Nà Ngài
78	Hà Văn Hậu	1	19/6/1980	Tày	4	Thôn Nà Ngài
79	Trần Văn Đức	1	29/10/1972	kinh	5	Thôn Nà Ngài
80	Trần Thị Hợp	1	21/10/1953	Kinh	5	Thôn Nà Ngài
81	Hà Thị Huyền	2	17/9/1969	Tày	4	Thôn Nà Ó
82	Hà Thị Vân	2	03/7/1967	Tày	2	Thôn Nà Ó
83	Lý Hữu Cán	1	19/3/1967	Dao	3	Thôn Nà Quang
84	Triệu Kim Thọ	1	13/12/1968	Dao	4	Thôn Nà Quang
85	Lý Thị Chung	2	9/7/1968	Dao	3	Thôn Nà Quang
86	Đặng Văn Rần	1	10/5/1998	Dao	4	Thôn Nà Quang
87	Bé Thị Nhung	2	9/12/2004	Tày	4	Thôn Nà Quang
88	Bé Văn Hiếu	5	28/8/1994	Tày	5	Thôn Nà Quang
89	Triệu Nguyên Hồng	4	24/01/1985	Dao	4	Thôn Nà Quang
90	Hoàng Tiến Hiên	1	1988	Dao	4	Thôn Nà Quang
91	Hoàng Tiến Tài	1	7/9/1986	Dao	4	Thôn Nà Quang

92	Triệu Trung Vượng	1	14/12/1986	Dao	4	Thôn Nà Quang
93	Lý Văn Chiều	1	13/01/1986	Dao	4	Thôn Nà Quang
94	Lý Văn Thông	1	07/9/1984	Dao	4	Thôn Nà Quang
95	Đặng Ý Thăng	1	11/7/1987	Dao	5	Thôn Nà Quang
96	Đặng Ý Quy	1	09/8/1978	Dao	5	Thôn Nà Quang
97	Đặng Ý Bình	1	08/3/1975	Dao	6	Thôn Nà Quang
98	Triệu Phúc Thanh	2	09/9/1980	Dao	5	Thôn Nà Quang
99	Bàn Kim Sơn	1	17/9/1975	Dao	3	Thôn Nà Quang
100	Phùng Thành Sinh	1	26/12/1984	Dao	3	Thôn Nà Quang
101	Triệu Văn Kim (Sơn)	1	1/1/1989	Dao	5	Thôn Nà Quang
102	Ngô Bá Phú	1	14/7/1973	Kinh	9	Thôn Nà Quang
103	Triệu Hữu Phúc	1	19/9/1970	Dao	5	Thôn Nà Quang
104	Triệu Nguyên Vượng	1	22/11/1982	Dao	4	Thôn Nà Quang
105	Đặng Chí Lâm	1	8/20/1967	Dao	3	Thôn Nà Quang
106	Đặng Ý Kim	1	6/17/1976	Dao	6	Thôn Nà Quang
107	Đặng Ý Chiêm	1	6/29/1991	Dao	3	Thôn Nà Quang
108	Đình Duy Bào	1	1/9/1991	tày	3	Thôn Reo Dài
109	Hà Văn Tiến	1	3/1/1957	Kinh	2	Thôn Sáu Hai
110	Lèng Thị Oanh	2	8/23/1963	Tày	2	Thôn Sáu Hai
111	Hà Ngọc Chính	1	6/1/1974	Tày	5	Thôn Sáu Hai
112	Hà Thị Vân	2	02/9/1972	Tày	4	Thôn Tân Phong
113	Đình Thị Bành	2	21/12/1944	Tày	3	Thôn Tân Phong
114	Phùng Thị Ngần	2	16/8/1989	Tày	5	Thôn Tân Phong
	Tổng: 114 hộ cận nghèo				450	

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Thanh Thịnh)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số khẩu	Địa chỉ (Thôn)
A	B	1	2	3	4	5
1	Âu Đình Dương	1	10/21/2002	Tày	1	Thôn Bản Chàng
2	Hoàng Thị Sao	2	12/20/1969	Tày	3	Thôn Bản Chàng
3	Nông Văn Dương	1	26/9/1982	Tày	5	Thôn Bản còn
4	La Văn Duyệt	1	2/27/1974	Tày	4	Thôn Bản Tét
5	Ma Đức Thuận	1	1/7/1980	Tày	2	Thôn Bản Tét
6	Đàm Văn Tuệ	1	04/01/1964	Kinh	1	Thôn Đoàn Kết
7	Trần Thị Hảo	2	10/10/1983	Tày	5	Thôn Đồng Tiến
8	Lý Văn Đại	1	2/4/1986	Tày	3	Thôn Đồng Tiến
9	Hoàng Thông Lai	1	21/12/1981	Khe Lắc	5	Thôn Khe Lắc
10	Triệu Kim Vinh	1	19/5/1984	Dao	7	Thôn Khe Thi 1
11	Ngô Thị Lan Anh	2	14/9/2003	Dao	1	Thôn Khe Thi 1
12	Lý Thị Viện	2	14/5/1970	Dao	3	Thôn Khe Thi 1
13	Trần Văn Nam	1	26/9/1973	Sán chí	7	Thôn Khe thi 2
14	Trần Văn Quý	1	07/9/1959	Sán chí	2	Thôn Khe thi 2
15	Trần Văn Ý	1	20/12/1978	Sán chí	2	Thôn Khe thi 2
16	Trần Văn Thủy	1	09/12/1972	Sán chí	3	Thôn Khe thi 2
17	Trần Thị Thành	2	03/6/1976	Sán chí	1	Thôn Khe thi 2
18	Hà Văn Bình	1	8/11/1986	Tày	3	Thôn Khe Thuồng
19	Lương Ngọc Quyết	1	1/19/1969	Kinh	2	Thôn Khuổi tai
20	Hà Quảng Hậu	1	1/1/1968	Tày	2	Thôn Khuổi tai
21	Nông Văn Sáng	1	4/8/1962	Tày	4	Thôn Nà Chiêm
22	Bàn Sinh Chu	1	2/12/1963	Dao	3	Thôn Nà Chiêm

23	Hoàng Thị Hoa	2	12/15/1973	Dao	1	Thôn Nà Chiêm
24	Nguyễn Văn Đường	1	3/20/1969	Kinh	3	Thôn Nà Chiêm
25	Triệu Xuân Sơn	1	9/3/1991	Dao	5	Thôn Nà Chiêm
26	Phạm Thị Huê	2	09/1/1968	Kinh	1	Thôn Nà Đeo
27	Hoàng Văn Tiệp	1	18/1/1966	Tày	1	Thôn Nà Giáo
28	Chu Quang Cửu	1	18/10/1981	Tày	6	Thôn Nà Giáo
29	Triệu Văn Thuy	1	08/1/1970	Tày	6	Thôn Nà Giáo
30	Hoàng Doãn Dương	1	3/23/1962	Tày	4	Thôn Nà Nậm
31	Hà Văn Đín	1	8/26/1958	Tày	2	Thôn Nà Ngải
32	Hà Thế Hùng	1	6/6/1990	Tày	4	Thôn Nà Ngải
33	Hoàng Văn Vững	1	2/26/1979	Tày	5	Thôn Nà Ó
34	Triệu Hữu Tâm	1	10/4/1964	Dao	4	Thôn Nà Quang
35	Nguyễn Văn Đại	4	17/4/1982	Tày	3	Thôn Nà Quang
36	Lý Hữu Cán	1	19/3/1967	Dao	3	Thôn Nà Quang
37	Triệu Kim Thọ	1	13/12/1968	Dao	4	Thôn Nà Quang
38	Lý Thị Chung	2	9/7/1968	Dao	3	Thôn Nà Quang
39	Đặng Văn Rần	1	10/5/1998	Dao	4	Thôn Nà Quang
40	Bé Thị Nhung	2	9/12/2004	Tày	4	Thôn Nà Quang
41	Bé Văn Hiếu	5	28/8/1994	Tày	5	Thôn Nà Quang
42	Triệu Nguyên Hồng	4	24/01/1985	Dao	4	Thôn Nà Quang
43	Đình Duy Bào	1	1/9/1991	Reo Dài	1	Thôn Reo Dài
44	Ngô Thị Mai	2	15/5/1948	Kinh	1	Thôn Reo Dài
45	Đình Khắc Miếu	1	14/01/1950	Reo Dài	1	Thôn Reo Dài
46	Bùi Văn Tý	1	6/16/1936	Kinh	3	Thôn Sáu Hai
47	Hà Văn Ngoạn	1	11/7/1963	Tày	3	Thôn Tân Phong
48	Đình Thị Trà	2	29/8/1997	Tày	3	Thôn Tân Phong
49	Hoàng Á Sùng	1	19/3/1983	Tày	4	Thôn Tân Phong
50	Đình Thị Bành	2	21/12/1944	Tày	3	Thôn Tân Phong
	Tổng: 50 hộ				111	

NAM

ih)

Ghi chú (1:Thoát nghèo trở thành cận nghèo, 2:vượt chuẩn cận nghèo)
6
2
1
1
2
1
1
1
2
2
1
2
2
1
1
2
2
2
1
2
1
2
2

DANH SÁCH HỘ THOÁT CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Thanh T

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số khẩu	Địa chỉ (Thôn)
A	B	1	2	3	4	5
1	Vũ Thị Na	2	7/12/1953	Kinh	5	Thôn Bản Tết
2	Hà Đức Tuấn	1	10/2/1977	Tày	4	Thôn Cạm Lặng
3	Hà Văn Nhiên	1	30/3/1976	Tày	4	Thôn Cao Thanh
4	Hà Thị Lanh	2	10/8/1950	Tày	2	Thôn Cao Thanh
5	Bùi Thị Nụ	2	1964	Kinh	1	Thôn Đoàn Kết
6	Nguyễn Văn Tước	1	09/5/1965	Tày	5	Thôn Đồng Tiến
7	Lộc Văn Thành	1	12/3/1987	Tày	3	Thôn Đồng Tiến
8	Ngô Phúc Sinh	1	11/4/1977	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
9	Hoàng Văn Thái	1	09/12/1979	Sán Chí	4	Thôn Khe Thi 1
10	Triệu Minh Khách	1	30/01/1978	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
11	Ngô Phúc Quân	1	29/4/1980	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
12	Ngô Đức Trường	1	29/7/1981	Dao	5	Thôn Khe Thi 1
13	Ngô Phúc Hòa	1	27/2/1983	Dao	4	Thôn Khe Thi 1
14	Trần Văn Bộ	1	1/1/1969	Sán Chí	2	Thôn Khe Thi 2
15	Trần Văn Thúc	1	22/9/1979	Sán Chí	3	Thôn Khe Thi 2
16	Trần Văn Bình (Ý)	1	27/01/1971	Sán Chí	4	Thôn Khe Thi 2
17	Trần Văn Quang	1	10/10/1983	Sán Chí	4	Thôn Khe Thi 2
18	Trần Văn Trường	1	10/11/1979	Sán Chí	4	Thôn Khe Thi 2
19	Hà Thị Huý	2	5/17/1971	Tày	2	Thôn Khe Thuông
20	Phạm Thị Nhàn	2	4/10/1948	Kinh	4	Thôn Khe Thuông
21	Hà Thị Chuẩn	2	4/29/1971	Tày	4	Thôn Khuổi nhàu

22	Đặng Quý Tài	1	9/23/1991	Dao	4	Thôn Nà Chiêm
23	Triệu Sinh An	1	7/12/1971	Dao	5	Thôn Nà Chiêm
24	Triệu Sinh Đường	1	8/14/1973	Dao	3	Thôn Nà Chiêm
25	Phạm Duy Từ	1	01/3/1958	Kinh	3	Thôn Nà Đeo
26	Đình Mạnh Hùng	2	10/10/1960	Kinh	3	Thôn Nà Đeo
27	Triệu Văn Ban	1	26/8/1972	Tày	4	Thôn Nà Giáo
28	Hà Văn Huỳnh	1	17/4/1971	Tày	5	Thôn Nà Ngòi
29	Nguyễn Văn Bắc	1	1/4/1962	Kinh	4	Thôn Nà Ngòi
30	Hà Tiến Giáp	1	18/10/1977	Tày	4	Thôn Nà Ngòi
31	Đặng Ý Nhân	1	24/4/1974	Dao	4	Thôn Nà Quang
32	Triệu Văn Lai	1	7/2/1971	Dao	3	Thôn Nà Quang
33	Đặng Ý Chày	1	9/6/1982	Dao	7	Thôn Nà Quang
34	Triệu Trung Hà	1	8/2/1980	Dao	4	Thôn Nà Quang
35	Chu Quang Nghị	1	5/25/1905	Tày	4	Thôn Nà Quang
36	Phùng Thông An	1	18/3/1965	Dao	3	Thôn Nà Quang
37	Phạm Văn Yên	1	1/7/1948	Kinh	5	Thôn Sáu Hai
38	Hà Đức Tân	1	7/7/1972	Tày	4	Thôn Sáu Hai
39	Bùi Quốc Việt	1	6/11/1987	Tày	4	Thôn Sáu Hai
40	Nguyễn Văn Hồng	1	1/3/1959	Kinh	2	Thôn Sáu Hai
41	Chu Văn Hùng	1	16/6/1979	Tày	4	Thôn Tân Phong
42	Hà Văn Nhập	1	13/12/1962	Tày	4	Thôn Tân Phong
	Tổng: 42 hộ				164	

IAM

hình)

Ghi chú (1:Thoát cận nghèo, 2:hộ cận nghèo trở thành nghèo)
6
2
1
1
1
1
1
2
2
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
2
1
1
1

